

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 11 tháng 8 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2020/TLST-KDTM ngày 03 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: **Tổng công ty K**

Địa chỉ: Số 193, đường H, phường T, quận T, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

* Bị đơn: **Công ty Liên doanh Công nghiệp kẽm V.**

Địa chỉ: Xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Người đại diện theo pháp luật do Tòa án chỉ định: Ông Bùi Huy T1 – Là người đại diện phần vốn góp của Công ty Cổ phần Kim loại màu T tại Công ty liên doanh Công nghiệp Kẽm V. Địa chỉ: Số 42a, ngõ 262 đường K, quận T, thành phố Hà Nội.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Công ty cổ phần Kim loại màu T.**

Địa chỉ: Tổ 6, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Văn L** – Chức vụ: Giám đốc.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bị đơn Công ty Liên doanh Công nghiệp kẽm V có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Tổng công ty K tổng số tiền 24.613.402.461đ (*Hai mươi tư tỷ sáu trăm mười ba triệu bốn trăm linh hai nghìn bốn trăm sáu mươi một đồng*). Trong đó bao gồm các khoản nợ cụ thể:

- Khoản nợ theo hợp đồng mua bán số 576 HĐ/KLM-KHKT ngày 04/12/2006 và hợp đồng số 102 HĐ/KLM-KHKT ngày 20/01/2007 số tiền nợ gốc là 21.152.744.031đ (*Hai mươi một tỷ một trăm năm mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn không trăm ba mươi một đồng*), số tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán là 1.982.060.570đ (*Một tỷ chín trăm tám mươi hai triệu không trăm sáu mươi nghìn năm trăm bảy mươi đồng*).

- Khoản nợ theo hợp đồng ủy thác vận chuyển than Khánh Hòa ngày 19/10/2004 và hợp đồng kinh tế “Vận chuyển bột ôxít kẽm” số 21/HĐVT-KLM-KHKT ngày 14/01/2008 số tiền là: 125.597.860đ (*Một trăm hai mươi lăm triệu năm trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm sáu mươi đồng*).

- Khoản nợ theo các hợp đồng vay ngắn hạn: Hợp đồng số 278/HĐVV-KLM-TCLĐ ngày 05/8/2010 kèm phụ lục, Hợp đồng số 443/HĐVV-KLM-TCLĐ ngày 06/12/2010 kèm phụ lục, Hợp đồng số 444/HĐVV-KLM-TCLĐ ngày 06/12/2010 kèm phụ lục, Hợp đồng số 445/HĐVV-KLM-TCLĐ ngày 06/12/2010 kèm phụ lục, Hợp đồng số 134/HĐVV-KLM-KTTK ngày 29/4/2011 kèm phụ lục, Hợp đồng số 135/HĐVV-KLM-KTTK ngày 29/4/2011 kèm phụ lục, Hợp đồng số 292/HĐVV-KLM-KTTK ngày 24/8/2011 kèm phụ lục, Hợp đồng số 293/HĐVV-KLM-KTTK ngày 24/8/2011 kèm phụ lục, Hợp đồng số 15/HĐVV-KLM-KTTK ngày 16/01/2012 kèm phụ lục, Hợp đồng số 136/HĐVV-KLM-KTTK ngày 17/4/2012 kèm phụ lục, Hợp đồng số 322/HĐVV-KLM-KTTK ngày 01/8/2012, Hợp đồng số 457/HĐVV-KLM-KTTK ngày 02/11/2012, Hợp đồng số 49/HĐVV-KLM-KTTK ngày 01/02/2013, Hợp đồng số 158/HĐVV-KLM-KTTK ngày 23/04/2013. Tổng cộng số tiền là 1.353.000.000đ (*Một tỷ ba trăm năm mươi ba triệu đồng*).

2.2. Về thời hạn thanh toán khoản nợ, phương thức thanh toán khoản nợ và lãi suất chậm trả thực hiện theo quy định của pháp luật.

Việc thi hành án dân sự đối với số tiền chậm trả: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.3. Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện chịu 66.300.000đ (*Sáu mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch được trừ vào tiền tạm ứng án phí 66.300.000đ (*Sáu mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng*) nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền số 01982 ngày 20/01/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Cục THADS tỉnh Bắc Kạn;
- TAND cấp cao tại Hà Nội
- Lưu HSVA;
- Lưu HCTP.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hoa